

2. KINH DU HÀNH

I²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt³ cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, A-xà-thế⁴, vua nước Ma-kiệt, muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ⁵, mới tự nghĩ: “Nước ấy tuy mạnh, dân chúng giàu mạnh, nhưng lấy sức ta để thắng họ không phải là khó”.

Rồi vua A-xà-thế sai đại thần Bà-la-môn Vũ-xá⁶: “Khanh hãy đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ Đức Thế Tôn, nhân danh ta đánh lễ dưới chân Thế Tôn và thăm hỏi Đức Thế Tôn, Ngài đời sống thường nhật có thoải mái

- ¹ Bản Hán, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 2. Tham chiếu, *Phật Bát-nê-hoàn kinh*, Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ dịch (Đại I, tr.160); *Đại Bát-niết-bàn kinh*, Đông Tấn Pháp Hiển dịch (Đại I, tr.191); *Bát-nê-hoàn kinh*, vô danh dịch (Đại I tr.176); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tập Sự*, Đường Nghĩa Tịnh dịch (Đại XXIV, tr. 382); *Trung A-hàm*, No.142 “Vũ Thế kinh” (Đại I, tr.648), No.3 “Thành Dụ kinh” (Đại I, tr.422, No.68 “Đại Thiện Kiến Vương kinh” (Đại I, tr.515), No.26 “Thị Giả kinh” (Đại I, tr.471). Tương đương Pāli, D. 16 (Deva Digh II. 3): Mahā-parinibbāna-suttanta; tham chiếu, D.17 (Deva Dig II. 4): Mahā-Sudassana-suttanta.
- ² Bản Hán: “Đệ nhất phần sơ, Du Hành kinh Đệ nhị sơ”. Phần I của kinh Du Hành.
- ³ La-duyệt hay La-duyệt-kỳ 羅閱祇; Pāli: Rājagaha, tức thành Vương xá 王舍, thủ phủ nước Ma-kiệt-đà (Pāli: Magadha). Kỳ-xà-quật (hay khốt) 耆闍崛 dịch là Thấu sơn 鷲山, Thấu lĩnh 鷲嶺, hay Linh thấu sơn 靈鷲山, tục gọi núi Kê-kê; Pāli: Gijjhakūṭa.
- ⁴ Tên gọi đủ: A-xà-thế Vi-đê-hi Tử 阿闍世韋提希子; Pāli: Ajātasattu Vedehiputta, Skt.: Ajātasātru-vaidehiputra, A-xà-thế, con bà Vi-đê-hi, vua nước Ma-kiệt-đà (Pāli, Skt.: Magadha).
- ⁵ Bạt-kỳ 跋祇; Pāli: Vajji, tên một thị tộc, nhà nước thị tộc, thời Phật.
- ⁶ Vũ-xá 禹舍; Pāli: Vassakāra, nghĩa: Vũ Hành 兩行, Vũ Tác 兩作, Vũ Thế 兩勢.

không, đi đứng có khỏe mạnh không. Sau đó lại bạch Đức Thế Tôn, người nước Bạt-kỳ tự ý hùng cường, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục ta. Ta muốn chinh phạt chúng. Không hiểu Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không? Nếu Ngài có dạy thế nào, người hãy nhớ cho kỹ, chớ để quên sót, hãy nói lại cho ta hay những gì khanh đã nghe. Những điều Như Lai nói không bao giờ hư dối.”

Đại thần Vũ-xá lãnh mạng, cưỡi xe báu đi đến núi Kỳ-xà-quật. Đến chỗ phải dừng, ông xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi xong, ngồi lại một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật và ân cần kính hỏi Ngài, đời sống thường nhật có thoải mái chăng, lui tới có được mạnh khỏe không?”

Ông lại thưa tiếp:

“Người nước Bạt-kỳ tự thị dũng mãnh, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục nhà vua, nên nhà vua muốn chinh phạt. Chẳng hay Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không?”

Lúc đó, A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Phật hỏi A-nan:

“Người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường nhóm họp bàn những sự việc chân chánh không?”

A-nan đáp:

“Con có nghe.”

Phật nói với A-nan:

“Nếu được như thế, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó lại càng thịnh vượng; nước ấy sẽ an ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, người có nghe người nước Bạt-ky vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau không?”

“Con có nghe.”

“Nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, chẳng trái lẽ độ không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ hiếu dưỡng cha mẹ,

kính thuận sư trưởng không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng tông miếu, kính nể quỷ thần không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-ky giữ gìn khuê môn trình chính, thanh khiết, không bậy bạ, cho đến sự vui đùa, nói năng cũng không tà vạy không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ tôn thờ Sa-môn, kính người trì giới và thân cận ủng hộ chẳng biếng nhác không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy thì nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Bấy giờ, đại thần Vũ-xá liền bạch Phật:

“Nhân dân nước kia nếu thi hành có một điều còn không mong gì thắng họ, huống nay họ đủ cả bảy điều. Vì việc nước quá bận, con xin từ tạ trở về.”

Phật nói:

“Nên biết thời giờ.”

Vũ-xá liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi vái chào mà lui.

Vũ-xá đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

“Người hãy truyền cho các Tỳ-kheo ở chung quanh thành La-duyet-kỳ nhóm hết lại giảng đường.”

A-nan vâng lệnh đi đến thành La-duyet-kỳ tập họp hết các Tỳ-kheo lại giảng đường xong, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo đã nhóm đủ, kính mong Đức Thánh biết thời.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ

ngồi dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các thầy bảy pháp bất thối⁷. Các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn nghe.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, bảy pháp bất thối là:

“1. Thường hội họp luận bàn nghĩa lý chân chính, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.⁸

“2. Trên dưới hòa đồng, kính thuận không trái, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“3. Trọng pháp, hiểu điều cấm kỵ, không trái qui chế, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“4. Nếu có Tỳ-kheo nào có năng lực hộ chúng, có nhiều tri thức, nên được kính thờ, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“5. Niệm hộ tâm ý⁹, lấy sự hiếu kính làm đầu, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“6. Tịnh tu phạm hạnh, không chạy theo trạng thái dục¹⁰, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“7. Trước người rồi sau mình, không tham lam danh lợi, thời già trẻ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không tổn giảm.

“1. Ưa ít việc, không ưa nhiều việc¹¹, thời Chánh pháp tăng trưởng

⁷. Bất thối pháp 不退法; Pāli: aparihāniya-dhamma, không suy thoái. Trong kinh này, có hai loại bảy pháp bất thối: bảy bất thối của quốc vương (rājā-aparihāniya-damma) và bảy bất thối của Tỳ-kheo (bhikkhu-aparihāniya-dhamma).

⁸. Trường 15 (Tập I, tr. 547): “chúng Tỳ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

⁹. Hộ niệm tâm ý 護念心意; Pāli: paccataṃ yeva satiṃ upaṭṭhāpeti, mỗi người tự mình hộ trì chánh niệm.

¹⁰. Dục thái 欲態; Pāli: Bhikkhū (...) taṇhāya (...) na vasaṃ gacchassanti, các Tỳ-kheo không bị chi phối bởi khát ái.

¹¹. D. 15 (Deva Dig II. 3, tr. 32): na kammārāmā bhavissanti: không ưa thích tác nghiệp. Kamma, nghiệp hay tác nghiệp ở đây được hiểu là thế sự.

không bị tổn giảm.

“2. Ưa yên lặng, không ưa nói nhiều.

“3. Bất sự ngu ngủ, tâm không hôn muội.

“4. Không tụ họp nói việc vô ích.

“5. Không tự khen ngợi khi mình thiếu đức¹².

“6. Không kết bè bạn với người xấu ác.

“7. Ưa ở một mình nơi chỗ nhàn tịnh, núi rừng.

“Này Tỳ-kheo, được như vậy, thời Chánh pháp sẽ được tăng trưởng, không bị tổn giảm.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

“1. Có tín tâm; tin Đức Như Lai, Chí Chân, Chánh Giác, đủ mười đức hiệu.

“2. Có tầm, biết hổ với điều thiếu sót của mình.

“3. Có quý, biết thẹn với việc ác mình đã làm.

“4. Đa văn, những điều đã được thọ trì đều tốt ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, thanh tịnh không bẩn, phạm hạnh đầy đủ.

“5. Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu lành, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng.

“6. Điều đã học tập được, ghi nhớ mãi không quên.

“7. Tu tập trí tuệ, biết pháp sanh diệt, hướng đến Hiền thánh, dứt hết gốc khổ.

“Với bảy pháp như thế thời Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

“1. Kính Phật.

“2. Kính Pháp.

“3. Kính Tăng.

“4. Kính giới luật.

“5. Kính thiền định.

“6. Kính thuận cha mẹ.

¹². D. 15 sđđ.: na pāpicchā bhavissanti: không có những ham muốn xấu (ác dục).

“7. Kính pháp không buông lung.

“Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng mãi không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

- “1. Quán thân bất tịnh.
- “2. Quán đồ ăn bất tịnh.
- “3. Chẳng mê đắm thế gian.
- “4. Thường suy niệm về sự chết.
- “5. Suy niệm về vô thường.
- “6. Suy niệm về vô thường tức khổ.
- “7. Suy niệm khổ tức vô ngã.

“Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

- “1. Tu về niệm giác ý¹³, nhàn tịnh, vô dục, xuất ly, vô vi¹⁴.
- “2. Tu về pháp giác ý.
- “3. Tu về tinh tấn giác ý.
- “4. Tu về hỷ giác ý.
- “5. Tu về y giác ý.
- “6. Tu về định giác ý.
- “7. Tu về hộ giác ý.¹⁵

“Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

- “1. Thân thường hành xử từ ái, không hại chúng sanh.
- “2. Miệng nói nhân từ, không diễn lời dữ.

¹³. Niệm giác ý 念覺意, hay niệm giác chi 念覺支, xem kinh số 10 “kinh Thập Thượng” ở sau.

¹⁴. Tham chiếu, *Trường A-hàm*, “10 kinh Thập Thượng”: y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly 依無欲依寂滅依遠離. 依無欲依寂滅依遠離.

¹⁵. Xem chú thích trên. So sánh các thuật ngữ.

“3. Ý niệm Từ tâm, không ôm lòng thêm bớt¹⁶.

“4. Được vật lợi dưỡng hợp lẽ, chia cùng chúng hưởng, bình đẳng như nhau.

“5. Giữ giới Thánh hiền không để khuyết lậu, cũng không cấu uế, nhất định không dao động¹⁷.

“6. Thấy đạo Thánh hiền để dứt hết thống khổ.¹⁸

“Sáu pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo, lại có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

“1. Niệm Phật.

“2. Niệm Pháp.

“3. Niệm Tăng.

“4. Niệm giới.

“5. Niệm thí.

“6. Niệm thiên.

Sáu niệm ấy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở La-duyet-kỳ¹⁹, Ngài bảo A-nan rằng:

“Các thầy hãy sẵn sàng, ta muốn đi đến Trúc viên²⁰.”

Đáp: “Thưa vâng.”

Rồi Ngài sửa soạn y bát, cùng đại chúng thị tùng, Thế Tôn theo ngã đường từ Ma-kiệt đi đến Trúc viên. Sau khi lên giảng đường an

¹⁶. Nguyên: bất hoại hoại tổn 不懷壞損, không ôm lòng gây hại. TNM: bất hoại tăng tổn 不懷增損.

¹⁷. Hán: tất định bất động 必定不動. So sánh Pāli, D. 15 (Deva Dig II. 3, tr. 35): *saparāmaṭṭhāni samādhisaṃvattanikāni...* “những giới luật không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm” (Trường 15, I, tr. 554).

¹⁸. Đoạn trên thường được biết là sáu pháp hòa kính, tức pháp lục hòa.

¹⁹. Hán: tùy nghi trú dĩ 隨宜住已. So sánh, D.15: *yathābhirantam viharitvā*, Trường I, tr. 555: “ở... cho đến khi Ngài xem là vừa đủ”.

²⁰. Chỉ Ca-lan-đà trúc viên 迦蘭陀竹園; Pāli: *Veļuvana-kalandanivāpa*, khu rừng trúc nổi tiếng ở Ma-kiệt-đà (Magadha). Trong bản Pāli, sdd.: Phật đến Ambalaṭṭhika, một tịnh thất bên ngoài Trúc lâm tinh xá.

tọa, Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định²¹, được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn²², dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát²³, sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở Trúc viên, Ngài bảo A-nan:

“Các thầy hãy sửa soạn, hãy đi đến thành Ba-lăng-phát²⁴.”

Đáp: “Kính vâng.”

Rồi Ngài sửa soạn y bát cùng với đại chúng theo hầu, Thế Tôn từ Ma-kiệt đi đến thành Ba-lăng-phát và ngồi ở gốc cây Ba-lăng²⁵. Lúc ấy các Thanh tín sĩ²⁶ tại đó nghe Phật cùng đại chúng từ xa đến nghỉ dưới cây Ba-lăng, bèn cùng nhau ra khỏi thành, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây Ba-lăng dung mạo đoan chính, các căn vắng lặng, nhu thuận tốt bậc, như con rồng lớn, như nước đứng trong, không chút bợn nhơ, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm tốt bậc. Thấy rồi, ai nấy hoan hỷ, lần đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Đức Thế Tôn theo thứ lớp nói pháp, khai tỏ, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ²⁷. Các Thanh tín sĩ được nghe Phật nói Pháp liền bạch Phật rằng:

“Chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Thánh chúng. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn thương xót chấp nhận cho chúng con được

²¹. Hán: tu giới hoạch định 修戒獲定; Pāli, D. 15, sdd.: sīlāparibhāvito samādhi; Trường I, tr. 554: “định cùng tu với giới”.

²². Hán: tu trí tâm tịnh đắc đẳng giải thoát 修智心淨得等解脫; Pāli, sdd.: paññāparibhā-vitaṃ cittaṃ sammadeva āsavehi vimuccati, tâm cùng tu với tuệ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu.

²³. Nghĩa là, sau khi giải thoát, biết rõ mình đã giải thoát.

²⁴. Ba-lăng-phát 巴陵弗, bản Minh: Ba-liên-phát 巴連弗; Pāli: Pāṭaliputta, Skt.: Pāṭaliputra (Hoa thị thành 華氏城 hay Hoa tử thành 華子城). Trong thời Phật, địa phương này chỉ là một ngôi làng trong vương quốc Magadha, vì vậy D.15 (Deva Dig ii. 3) nói nó là Pāṭaligāma: làng Patali.

²⁵. Ba-lăng-thọ 巴陵樹; Pāli: Pāṭalī, cây hoa kèn.

²⁶. Thanh tín sĩ 清信士, hay Ưu-bà-tắc 優婆塞; Pāli: Upāsaka.

²⁷. Thị, giáo, lợi, hỷ 示, 教, 利, 喜: bốn tuần tự thuyết pháp của Phật; Pāli: sandassesī samādapesī samuttejesī sampahaṃsesī: chỉ bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, hoan hỷ.

làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm²⁸, không nói dối, không uống rượu. Chúng con sẽ giữ giới không bao giờ quên²⁹. Ngày mai chúng con xin cúng dường. Ngưỡng mong Thế Tôn cùng đại chúng rủ lòng hạ cố.”

Đức Thế Tôn làm thỉnh nhận lời. Các Thanh tín sĩ thấy Phật làm thỉnh nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng làm lễ rồi lui ra. Vì Đức Như Lai, họ dựng ngôi nhà lớn, ban sửa đất đai, quét tước, rưới nước, xông hương, trang hoàng bảo tọa. Khi thiết cúng xong, họ đến bạch Phật: “Cỗ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết đã đến giờ.”

Khi ấy, Thế Tôn liền đứng dậy mang y cầm bát cùng đại chúng đến giảng đường. Đến nơi, rửa tay chân xong, Phật ngồi giữa, các Tỳ-kheo ngồi bên tả, các Thanh tín sĩ ngồi bên hữu.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Thanh tín sĩ rằng:

“Phàm người phạm giới thời có năm điều suy hao. Những gì là năm?

- “1. Cầu tài lợi không được toại nguyện.
- “2. Dầu có được tài lợi, ngày mỗi hao mòn.
- “3. Bất cứ đến đâu cũng không được mọi người kính nể.
- “4. Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ.
- “5. Thân hoại mệnh chung sa vào địa ngục.

“Trái lại, này các Thanh tín sĩ, phàm người giữ giới sẽ có năm công đức. Những gì là năm?

- “1. Cầu gì đều được như nguyện.
- “2. Tài sản đã có thì thêm mãi không hao sút.
- “3. Ở đâu cũng được mọi người kính mến.
- “4. Tiếng tốt đồn khắp thiên hạ.
- “5. Thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi trời.”

Bấy giờ, đã nửa đêm, Phật bảo các Thanh tín sĩ hãy trở về. Các Thanh tín sĩ vâng lời, đi quanh Phật ba vòng, rồi đánh lễ mà lui.

²⁸. Dâm 淫 (bộ thủy 水): tham sắc quá độ; phân biệt với dâm 婬 bộ nữ 女: dâm dục. Do đó, bất dâm 不淫 ở đây được hiểu không tà dâm, tức Pāli: kāmesu micchācāro, hành vi tà vạy trong các dục lạc.

²⁹. Bất vong 不忘; TNM: bất vọng 不妄: không dối.

Bấy giờ, khi đêm vừa qua, ánh sáng vừa ló, Thế Tôn đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấu suốt, thấy các vị thần lớn mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa³⁰ riêng, các thần trung, thần hạ cũng phong thủ đất đai nhà cửa. Thế Tôn liền trở lại giảng đường, lên chỗ ngồi. Tuy đã biết, nhưng Ngài vẫn hỏi:

“Này A-nan, ai tạo lập thành Ba-lăng-phát này?”

A-nan bạch Phật:

“Thành này do đại thần Vũ-xá tạo ra để phòng ngự nước Bạt-kỳ.”

Phật nói với A-nan:

“Người tạo ra thành này rất hợp ý trời³¹. Lúc đêm đã tàn, trời vừa sáng, Ta đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhãn, xem thấy các Đại Thiên thần mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa riêng, các trung thần, hạ thần cũng phong thủ đất đai nhà cửa. A-nan! Nên biết chỗ đất đai nhà cửa nào được Đại Thiên thần phong thủ, ai ở đó tất được an lạc nhiều³²; còn chỗ trung thần phong thủ thì hàng trung nhân ở; chỗ hạ thần phong thủ thì hạ nhân ở và công đức nhiều ít cũng tùy theo chỗ ở ấy.

“Này A-nan, chỗ này là chỗ hiền nhân ở, kẻ bán buôn qui tụ, phép nước đúng đắn không đối ngại³³. Thành này rất tốt, được mọi nơi suy tôn, không thể phá hoại. Lâu về sau nếu có bị phá chẳng chỉ do ba việc; một là bị nước lớn, hai là bị lửa lớn và ba là bị người trong thông mưu với người ngoài phá hoại được thành này.”

Trong lúc đó các Thanh tín sĩ Ba-lăng-phát suốt đêm cùng bày biện. Đúng giờ, họ đến bạch Phật:

³⁰. Hán: phong trạch địa 封宅地; Pāli: vatthum pariggaṇhāti, chiếm hữu (hoặc thủ hộ) đất đai.

³¹. Hán: chánh đắc thiên ý 正得天意; Pāli, sđd.: Deva Dig ii, tr.70: seyyathāpi devehi Tāvatiṃsehi saddhiṃ mantetvā, giống như sau khi đã hỏi ý các Thiên thần Tāvatiṃsa (Đao-lợi).

³². Tham chiếu Pāli, sđd.: yasmim padese mahesakkhā devatā vatthūni pariggaṇhanti mahesakkhānam tattha raññam rājamahāmatānam cittāni namanti nivesa-nāni māpetum; nơi ở nào có Thiên thần có đại oai lực thủ hộ (chiếm lĩnh) đất đai, nơi ấy tâm thức các vua chúa và các đại thần có thể lực được hướng đến việc xây dựng các trú xứ.

³³. Pāli, sđd.: Deva Dig ii. tr.71-72: yāvata, Ānanda, ariyaṃ āyatanaṃ, yāvata vaṇippatho, idaṃ agganagaraṃ pāṭaliputtaṃ puṭabhedanaṃ, nơi nào là căn cứ địa của những người Ariyan, nơi nào là đô hội của các thương gia, nơi ấy một đô thị bậc nhất tên là Pāṭaliputta được thiết lập.

“Cỗ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ.³⁴”

Bấy giờ, các Thanh tín sĩ bưng dọn, tự tay bưng sốt đồ ăn. Thọ thực xong dùng nước rửa. Rồi họ dọn một chỗ ngồi nhỏ trước Phật. Phật chỉ bày mà rằng:

“Chỗ này của các người là chỗ bậc Hiền trí, phần nhiều người trì giới tịnh tu phạm hạnh cư trú; các Thiện thần vui mừng ủng hộ.”

Rồi Ngài chú nguyện cho họ:

“Biết kính trọng thì được người kính trọng. Biết phụng sự thì được người phụng sự. Bố thí, khiêm ái, có lòng từ mẫn, được chư Thiên khen ngợi và thường cùng người lành sum họp, không cùng người ác ở chung.”

Bấy giờ, sau khi thuyết pháp xong, Đức Thế Tôn liền rời khỏi chỗ, đại chúng hầu quanh mà đưa Ngài trở về. Đại thần Vũ-xá đi theo sau Phật, nghĩ rằng:

“Hôm nay, nhân Đức Sa-môn Cù-đàm đi qua cửa thành này, ta hãy gọi cửa này là cửa Cù-đàm³⁵. ”

Lại nhân bến sông mà Phật sang ngang, liền đặt tên chỗ đó là bến Cù-đàm³⁶.

Đức Thế Tôn ra khỏi thành Ba-lăng-phất, đi đến bờ sông. Lúc ấy, trên bờ sông có nhiều người, trong số đó có người thì dùng thuyền, có người dùng bè, có người dùng phà mà sang sông. Đức Thế Tôn cùng đại chúng chỉ trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, đã đến cả bên kia sông. Sau khi quán sát nghĩa này, Thế Tôn liền nói bài tụng:

*Phật là Hải Thuyền Sư
Pháp là cầu sang sông,
Là chiếc xe Đại thừa,
Đưa hết thầy trời, người.
Là Đấng Tự Giải Thoát,*

³⁴. Pāli: Kālo bho Gotama niṭṭhitam bhattam, “Đã đến giờ, bạch Tôn giả Gotama, cơm đã dọn xong”.

³⁵. Hán: Cù-đàm môn 瞿曇門; Pāli: Gotama-dvāra.

³⁶. Cù-đàm độ 瞿曇渡; Pāli: Gotama-tittham.

*Sang sông, thành Phậ-đà³⁷.
Khiến tất cả đệ tử,
Giải thoát, đắc Niết-bàn.*

Thế Tôn lại từ nước Bạt-kỳ đi đến thôn Câu-ly³⁸ nghỉ ở dưới một khóm rừng và bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp thâm diệu: một là Thánh giới; hai là Thánh định; ba là Thánh tuệ và bốn là Thánh giải thoát. Đó là pháp vi diệu khó hiểu, khó biết, mà ta với các ông xưa kia vì không hiểu rõ nên mãi trôi lăn không cùng trong vòng sống chết.”

Quán xét theo nghĩa đó, Phậ-liền dạy bài kệ:

*Giới, định, tuệ, giải thoát,
Duy Phậ phân biệt rõ.
Lìa khổ độ chúng sanh,
Khiến dứt mầm sanh tử.*

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thôn Câu-ly lại bảo A-nan cùng đi đến thôn Na-đà³⁹. A-nan vâng lời, khoác y ôm bát cùng với đại chúng đi theo Phậ, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Na-đà và dừng lại chỗ Kiền-chùy⁴⁰.

Bấy giờ, A-nan ở chỗ thanh vắng yên lặng suy nghĩ: “Thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ là Già-già-la, Già-lăng-già, Tỳ-già-đà, Già-lê-thâu, Giá-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu-lâu, Đà-lê-xá-nậu, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu, Da-thâu, Da-thâu-đa-lâu đã qua đời⁴¹. Hiện nay không biết họ sinh về đâu? Lại có năm mươi người khác mệnh chung, lại năm trăm người khác nữa mệnh chung, nay không biết họ sinh về chỗ nào?”

³⁷. Hán: đắc thăng tiên 得昇仙.

³⁸. Câu-ly 拘利; Pāli: Koṭigāma.

³⁹. Na-đà thôn 那陀村; Pāli: Nādikā.

⁴⁰. Kiền-chùy xứ 犍椎處; Pāli: Gīnjakāvasatha, cũng nói là Kiền-chùy tinh xá 犍椎精舍 hay Luyện ngōa đường 煉瓦堂, ngôi nhà lợp ngói.

⁴¹. Danh sách mười hai cư sĩ ở Na-đà: Già-già-la 伽伽羅, Già-lăng-già 伽陵伽, Tỳ-già-đà 毗伽陀, Già-ly- (TNM: lê) thâu 伽利(梨)輸, Giá-lâu 遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-đầu-lâu 婆頭樓, Tẩu-bà-đầu-lâu 藪婆頭樓, Đà-lê-xá-nậu 陀梨舍耨, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu 藪達利舍耨, Da-thâu (du) 耶輸, Da-thâu (du)-đa-lâu 耶輸多樓. Danh sách những người chết được đề cập, D. 15 (Deva Dig ii, tr. 77): Tỳ-kheo Sālada, Tỳ-kheo-ni Nandā, cư sĩ Sudatta, nữ cư sĩ Sujātā và các cư sĩ Kakudha, Kālinga, Nikata, Katissabha, Tuttha, Santuttha, Bhadda.

A-nan suy nghĩ như thế xong, rời khỏi nơi nhàn tịnh, đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, vừa rời con ở chỗ nhàn tịnh, lặng lẽ suy nghĩ: Thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ: Già-già-la v.v..., mạng chung; lại có năm mươi người nữa mạng chung, lại có năm trăm người mạng chung; không biết họ sinh về đâu. Cúi mong Thế Tôn nói rõ cho con.”

Phật bảo A-nan:

“Mười hai cư sĩ kia là Già-già-la v.v..., đã đoạn năm hạ phần kết⁴² nên mệnh chung sinh thiên⁴³; họ nhập Niết-bàn ở đó chứ không trở lại cõi này nữa. Còn năm mươi người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử⁴⁴; dâm, nộ, si mông, đắc quả Tư-đà-hàm⁴⁵, sẽ trở lại cõi này để dứt hết gốc khổ. Còn năm trăm người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn⁴⁶, không còn bị đọa vào ác thú, chắc chắn thành đạo, chỉ trở lại cõi này bảy lần để dứt hết gốc khổ rồi thôi.

“Này A-nan, phàm có sinh thì có chết, đó là lẽ thường của cuộc đời, có gì là quái lạ. Nếu thấy mỗi người chết, người đều tới hỏi ta như vậy chẳng là quấy rầy ư?”

A-nan đáp:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, quả là phiền nhiễu.”

Phật bảo:

“A-nan, nay ta sẽ nói cho người về Pháp kính⁴⁷ để các Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh; dứt hết ba đường dữ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời sẽ tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói việc ấy cho người khác nghe.

“Này A-nan! Pháp kính là, Thánh đệ tử đã đạt được bất hoại

⁴². Hạ phần kết, hay thuận hạ phần kết; Pāli: orambhāgiya-saṃyojanāni (năm) thứ phiền não hay ô nhiễm buộc chặt chúng sanh vào sự tái sanh hạ giới tức dục giới. Vị đoạn trừ năm kết sử này sẽ không tái sanh Dục giới nên được gọi là Bất hoàn (Pāli: Anagāmin).

⁴³. Sinh lên Tịnh cư thiên (Pāli: Suddhāvāsa).

⁴⁴. Ba kết sử (Pāli: tīṇi saṃyojanāni): thân kiến hay hữu thân kiến (Pāli: sakkāya-ditṭhi), nghi (Pāli: vicikicchā), giới cấm thủ (Pāli: sīlabbataparāmāso).

⁴⁵. Tư-đà-hàm hay Nhất lai, vị tái sinh Dục giới một lần nữa; Pāli: Sakadāgāmin.

⁴⁶. Tu-đà-hoàn, hay Dự lưu, vị đã dự vào dòng Thánh; Pāli: Sotapāna.

⁴⁷. Pháp kính 法鏡; Pāli: dhammādāsa, tấm gương pháp, gương để soi rọi sự thật.

tín⁴⁸, hoan hỷ tin Phật là Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mười đức hiệu đầy đủ. Hoan hỷ tin Pháp là giáo pháp chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra⁴⁹, không cuộc hạn thời tiết, dạy bày con đường đi đến Niết-bàn; được thực hành bởi kẻ trí. Hoan hỷ tin Tăng là chúng khéo hòa đồng, sở hành chất trực không dối trá và chứng thành đạo quả, trên dưới thuận hòa, đầy đủ pháp thân, hoặc có người đang hưởng tới Tu-đà-hoàn và được quả Tu-đà-hoàn, có người đang hưởng tới Tư-đà-hàm và được quả Tư-đà-hàm, có người đang hưởng tới A-na-hàm và được quả A-na-hàm, có người đang hưởng tới A-la-hán và được quả A-la-hán⁵⁰. Ấy là bốn đôi tám bậc, chúng Hiền thánh của Như Lai, xứng đáng được cung kính, làm ruộng phước cho đời. Tin giới của Hiền thánh là thanh tịnh, không nhơ, không bị sụt mẻ, không rò rỉ, được các bậc minh triết tu theo mà chứng đến tam-muội định vậy.

“A-nan, đó là Pháp kính, khiến Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, dứt sạch ba đường dữ, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời hoàn tất tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói cho người khác sự việc ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở đó, bèn bảo A-nan hãy cùng đi đến nước Tỳ-xá-ly⁵¹. A-nan vâng lời, mang y cầm bát, cùng với đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Tỳ-xá-ly và ngồi nghỉ ở một gốc cây.

Bấy giờ có một dâm nữ tên Am-bà-bà-lê⁵² vừa nghe Phật cùng các đệ tử đến Tỳ-xá-ly, đang ngồi dưới một gốc cây, liền sửa soạn xe báu, muốn đi đến chỗ Phật để lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, từ xa nàng đã thấy Đức Thế Tôn diện mạo đoan chánh, các căn đặc biệt khác thường, tướng tốt đầy đủ, như mặt trăng ở giữa những vì sao. Nàng

⁴⁸. Bốn bất hoại tín 不壞信, cũng nói là bốn bất động tín 不動信, bốn chứng tịnh 證淨 hay bốn Dự lưu chi 預流支; Pāli: Aveccappasāda; Skt.: Avetya-prasāda: tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới.

⁴⁹. Hán: tự tứ sở thuyết 自恣所說; Pāli: svākhāto (Skt.: svākhyāta), nơi khác thường được dịch là thiện thuyết: pháp được Thế Tôn giảng thuyết khéo léo. Bản Hán ở đây có lẽ hiểu svākhāto là sva(tự mình)-ākhāta, thay vì su(khéo léo)-ākhāta.

⁵⁰. Nêu bốn hướng và bốn quả, hợp thành tứ song bát bố 四雙八輩.

⁵¹. Tỳ-xá-ly 毗舍離, hoặc phiên âm Tỳ-da-ly 毗耶離, dịch: Quảng nghiêm thành 廣嚴城.

⁵². Am-bà-bà-lê 菴婆婆梨, âm khác: Am-bà-ba-ly 菴婆波利, Am-bà-la-bà-ly 菴婆羅婆利, Am-bà-la 菴婆羅; Pāli: Ambapāli-ganikā.

rất hoan hỷ, xuống xe đi bộ lần tới chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi lại một bên.

Rồi Thế Tôn, theo thứ lớp thuyết pháp, khai giải, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Nghe Phật nói xong nàng phát tâm vui mừng quỳ bạch Phật rằng:

“Bắt đầu từ hôm nay con quy y ngôi Tam bảo. Mong Phật nhận lời cho con được làm Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp, trọn đời con không giết, không trộm, không tà dâm⁵³, không nói dối, không uống rượu.”

Lại bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn cùng các đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của con. Còn tối nay thì xin nghỉ tại vườn của con.”

Khi ấy Phật im lặng nhận lời.

Nàng thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi đảnh lễ mà trở về. Nàng đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

“Ta cùng các người đi đến khu vườn kia.”

Đáp:

“Thưa vâng.”

Phật bèn rời chỗ ngồi, mang y cầm bát cùng chúng đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người đi đến khu vườn ấy.

⁵³. Xem cht. 28.